

Số: /BC-UBND

Phú La, ngày tháng năm 2025

**BÁO CÁO**  
**Kết quả SIPAS tháng 4 năm 2025**

| STT      | Nội dung                                                               | Kết quả trong tháng báo cáo | Kết quả từ đầu năm đến tháng báo cáo |
|----------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------|
| <b>B</b> | <b>TẠI UBND CÁC PHƯỜNG</b>                                             |                             |                                      |
| <b>I</b> | <b>Kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b> |                             |                                      |
| <b>1</b> | <b>Tổng số hồ sơ cần giải quyết:</b>                                   | 156                         | 805                                  |
| -        | Số hồ sơ phát sinh của các TTHC cung cấp mức độ 2                      | 30                          | 348                                  |
| -        | Số hồ sơ phát sinh của các TTHC cung cấp mức độ 3. Trong đó:           | 126                         | 457                                  |
| +        | Số hồ sơ tiếp nhận trực tiếp tại Bộ phận Một cửa                       | 0                           | 0                                    |
| +        | Số hồ sơ tiếp nhận trực tuyến qua cổng DVC trực tuyến                  | 126                         | 457                                  |
| -        | Số hồ sơ phát sinh của các TTHC cung cấp mức độ 4. Trong đó:           | 0                           | 0                                    |
| +        | Số hồ sơ tiếp nhận trực tiếp tại Bộ phận Một cửa                       | 0                           | 0                                    |
| +        | Số hồ sơ tiếp nhận trực tuyến qua cổng DVC trực tuyến                  | 0                           | 0                                    |
| -        | Số hồ sơ tiếp nhận qua DV BCCI                                         |                             |                                      |
| <b>2</b> | <b>Tổng số hồ sơ phân loại theo lĩnh vực</b>                           | 156                         | 805                                  |
| -        | Lĩnh vực tư pháp                                                       | 154                         | 797                                  |
| -        | Lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội                               | 0                           | 2                                    |
| -        | Lĩnh vực đất đai                                                       | 0                           | 0                                    |
| -        | Lĩnh vực xây dựng, đô thị                                              | 0                           | 0                                    |
| -        | Lĩnh vực khác                                                          | 2                           | 6                                    |
| <b>3</b> | <b>Tỷ lệ TTHC cung cấp DVC TT mức độ 3 có phát sinh hồ sơ</b>          | 1                           | 1                                    |
| <b>4</b> | <b>Tỷ lệ TTHC cung cấp DVC TT mức độ 4 có phát sinh hồ sơ</b>          | #DIV/0!                     | #DIV/0!                              |

|            |                                                                                                                             |                     |                     |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|
| <b>5</b>   | <b>Tỷ lệ TTHC cung cấp DV BCCI có phát sinh hồ sơ</b>                                                                       | <i>0</i>            | <i>0</i>            |
| <b>6</b>   | <b>Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn</b>                                                                                      |                     |                     |
| -          | Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn                                                                                             | <i>156/156=100%</i> | <i>805/805=100%</i> |
| -          | Tỷ lệ hồ sơ DVC TT mức độ 3 giải quyết đúng hạn                                                                             | <i>126/126=100%</i> | <i>457/457=100%</i> |
| -          | Tỷ lệ hồ sơ DVC TT mức độ 4 giải quyết đúng hạn                                                                             | <i>0</i>            | <i>0</i>            |
| -          | Tỷ lệ hồ sơ DV BCCI giải quyết đúng hạn                                                                                     | <i>0</i>            | <i>0</i>            |
| <b>7</b>   | <b>Tỷ lệ giải quyết hồ sơ quá hạn</b>                                                                                       | <i>0</i>            | <i>0</i>            |
| -          | Tỷ lệ giải quyết hồ sơ quá hạn                                                                                              | <i>0</i>            | <i>0</i>            |
| -          | Lý do quá hạn                                                                                                               | <i>0</i>            | <i>0</i>            |
| <b>II</b>  | <b>Tổng số phản ánh, kiến nghị về giải quyết TTHC</b>                                                                       | <i>0</i>            | <i>0</i>            |
| <b>1</b>   | Số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính                                                                                | <i>0</i>            | <i>0</i>            |
| <b>2</b>   | Số phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính                                                                               | <i>0</i>            | <i>0</i>            |
| <b>3</b>   | Số phản ánh kiến nghị được đăng tải công khai kết quả xử lý                                                                 | <i>0</i>            | <i>0</i>            |
| <b>III</b> | <b>Tổng số văn bản xin lỗi trong quá trình giải quyết TTHC (chậm muộn, sai sót,...)</b>                                     | <i>0</i>            | <i>0</i>            |
| <b>IV</b>  | <b>Tổng số ý kiến đánh giá hài lòng của người dân, tổ chức trong quá trình giải quyết TTHC (dạng bản giấy hoặc điện tử)</b> | <i>185</i>          | <i>185</i>          |

**Nơi nhận:**

- UBND quận Hà Đông;
- Phòng Nội vụ quận Hà Đông;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Công chức UBND phường;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Phương Anh**